

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Biểu

Bà Vũ Thị Kim Anh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Cường, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Chử Văn C (Nguyễn Văn C) do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Hưng Yên.

***\* Bị cáo bị kháng nghị:***

Chử Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn C), sinh năm 1981 (bị cáo còn có năm sinh khác là 1986); nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 2, xã V, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng L (còn có tên khác là Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L1 - đã chết) và bà Đinh Thị H (bố dượng là ông Chử Văn S); có vợ là chị Vũ Thị X (đơn của bị cáo ghi Vũ Thị M) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2001 bị Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; ngày 01/12/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 05 năm tù về Tội trộm cắp tài sản; tạm giữ ngày 05/7/2017; tạm giam từ ngày 14/7/2017 đến ngày 15/9/2017 được tại ngoại "bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt".

Trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Như Đ kháng cáo nhưng đã rút toàn bộ kháng cáo trước khi mở phiên tòa và có 05 người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 03/6/2017, Chủ Văn C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 30M-3421 của chị Lê Thị L2 đi tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp. C có mang theo 01 kìm thủy lực, 01 tay công bằng kim loại và một số dụng cụ khác. Khi C đi đến nhà ông Nguyễn Văn M1 ở thôn B, xã Y, huyện Y1 thấy cửa cổng khóa ngoài, trong nhà không có ánh đèn nên C dùng kìm thủy lực cắt khóa cổng, rồi dắt xe máy vào sân và đóng cổng lại tránh bị phát hiện. C thấy cửa nhà khóa thì lấy tay công lắp thêm 1 đoạn đầu nối bằng kim loại lách vào khe hở bẫy mạnh làm cánh cửa bung ra rồi đi vào nhà tìm lấy tài sản. C mở tủ lấy 01 két sắt mang ra cánh đồng T1, thôn B, xã Y giấu ở cạnh ruộng nước. C quay lại lấy tiếp 01 xe máy Honda Dream BKS 89F-180.34 của anh Trịnh Công P dựng ở phòng khách và 01 ti vi Sony 48 inch rồi điều khiển xe BKS 89F-180.34 chở ti vi đi đến khu vực máng nối Đồng Quê thuộc xã M2, huyện V1 giấu xe và ti vi ở đó. C quay lại vị trí giấu két sắt dùng búa đập phá két lấy được 4.500.000 đồng, 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 2 chỉ, còn giấy tờ bên trong vứt xuống ruộng nước. Sau đó C điều khiển xe mô tô Honda Airblade BKS 30M8-3421 quay lại nhà nghỉ Đồng Quê gọi L2 dậy rồi chở L2 đến cầu máng nối Đồng Quê cách chỗ giấu đồ 100m thì xuống bảo L2 đi xe máy về còn C đi đến chỗ giấu xe máy và ti vi lấy được mang đi Hà Nội bán cho người không rõ lai lịch được 7.000.000 đồng, còn nhẫn vàng mang bán được 6.700.000 đồng.

Kết quả điều tra còn xác định C đã thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ ngày 16/6/2017, C điều khiển xe mô tô BKS 30M8-3421 mượn của chị L2 mang theo kìm bấm, tuýp sắt đi từ xã M2, huyện V1 sang huyện Y1 để trộm cắp tài sản. Khi đi đến đoạn đường 382 thuộc thôn T2, xã Y, huyện Y1 thì thấy cổng nhà chị Trịnh Thị Hải L3 khóa ngoài, xung quanh có hàng rào sắt B40. C dùng kìm bấm hàng rào rồi đi vào trong sân thấy cửa xếp sắt nhà chị L3 không khóa, C mở cửa vào bê chiếc ti vi LG loại 32 inch mang ra phía ngoài hàng rào sắt B40 rồi tiếp tục sang nhà chị Phạm Thị M3 thấy có chiếc ti vi TCL loại 32 inch và đôi loa thùng hiệu BMB, C tháo dây điện bê loa ra trước rồi vào bê ti vi xếp lên xe mô tô chở về trang trại của gia đình tại thôn H, xã M2, huyện V1 cất giấu. Sau đó, C đem theo tuýp sắt 1 đầu gắn với mũi khoan đi bộ ra đường gọi xe taxi (không nhớ biển số) quay lại đi vào sân nhà chị L3,

thấy xe mô tô Honda Dream BKS 89M1-091.02 của anh Nguyễn Văn T3 (chồng chị L3) đã mở chìa khóa điện cắm ở ổ khóa dắt xe ra cổng, dùng tuýp sắt bẩy phá khóa rồi mở cổng đi xe về trang trại dùng máy khoan mài số khung, số máy và dùng tô vít tháo biển số. Sau đó C dùng xe máy chở ti vi LG đến nhà Nguyễn Như Đ ở thôn Đ1, xã D, huyện K để gửi. C bảo Đ cho gửi chiếc ti vi, mặc dù biết ti vi và xe máy do C trộm cắp mà có, nhưng Đ vẫn đồng ý cho C gửi ti vi rồi hỏi mượn xe máy làm phương tiện đi lại. C đồng ý cho Đ mượn xe rồi bảo Đ chở về gần đến xã M2, huyện V1 thì xuống xe còn Đ mang xe máy đến cửa hàng của ông Đào Văn Th sửa và xin chiếc biển số 29R7-7847 lắp vào để tránh bị phát hiện. Đ mượn xe mô tô do C trộm cắp được, sử dụng từ ngày 16/6/2017 đến ngày 22/6/2017 thì gia đình có việc đi Lào Cai nên Đ mang xe trả cho C. Sau khi đi Lào Cai về thì Đ tiếp tục mượn xe mô tô mà trước đó C trộm cắp được để sử dụng.

Vụ 2: Khoảng 02 giờ ngày 23/6/2017, C điều khiển xe mô tô BKS 29R7-7847 là xe trộm cắp của anh T mang theo kìm thủy lực, đèn pin có quai đeo đầu để đi trộm cắp tài sản. Khi đến thôn T2, xã Y, huyện Y1 thì phát hiện cửa hàng quần áo của chị Nguyễn Thị Th1 khóa ngoài, đèn điện tắt. C dùng xe, dùng kìm thủy lực cắt đứt khóa cửa vứt xuống đất rồi mở cửa đi vào bên trong bật đèn pin đeo vào đầu thì thấy bên trong có nhiều quần áo, nên cầm bao tải lấy 60 chiếc váy người lớn bằng chất liệu voan lụa, 29 chiếc quần nữ loại co giãn, 06 chiếc quần ngắn nữ co giãn, 40 quần bò nữ loại quần ống dài loại Jean. C tiếp tục cầm bao tải nữa lấy 35 đôi dép nữ loại cao gót chất liệu giả da, 10 đôi giày nữ chất liệu giả da, 03 túi xách chất liệu giả da, lấy 01 ví giả da đã qua sử dụng trong ví có 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ ATM ngân hàng nông nghiệp, 01 thẻ ATM ngân hàng công thương mang tên Nguyễn Thị Th1. C bê 02 bao tải và ví ra xe mô tô rồi chở về phòng trọ ở Phú Thị, xã M2, huyện V1 cất giấu. C cho chị L2 01 váy màu nâu dạng có hoa văn, 02 quần bò nữ màu xanh trắng, 02 quần bò nữ màu xanh đen, 01 quần ngắn nữ nhưng chị L2 không sử dụng đã cho chị Nguyễn Thị Ng số quần và váy này cùng 01 áo khoác thu đông có mũ, 01 áo dây nữ màu xanh. Số quần áo còn lại C khai đã cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C1 và chị Diệu Thị Thu H1 ở Phù Đĩnh, xã T4, V1. Ngày 06/7/2017 chị L2 đã lấy lại toàn bộ số quần áo được C cho giao nộp cơ quan Công an huyện Y1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-ĐG ngày 13/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y1, kết luận: Xe mô tô BKS 89M1-091.02 giá trị 18.000.000 đồng; 01 ti vi LG 32 inch trị giá 1.800.000 đồng; 01 ti vi TCL trị giá 1.200.000 đồng, 01 đôi loa thùng BMB trị giá 700.000 đồng; 07 nhẫn vàng 9999 loại 2 chỉ trị giá 47.180.000 đồng; 01 ti vi SONY 48 inch trị giá 7.000.000 đồng; 01 kết sắt bằng kim loại trị giá 1.100.000 đồng; xe mô tô Honda Dream BKS 89F1-180.34 trị giá 12.000.000 đồng; cộng tổng tài

sản trên là 88.980.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 35/KL-ĐG ngày 08/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y1, kết luận: 60 chiếc váy người lớn, 29 chiếc quần vải nữ, 06 quần ngố nữ, 40 quần bò nữ, 35 đôi dép nữ cao gót, 10 đôi giày nữ, 03 túi xách giả da có tổng trị giá là 30.285.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 3473/C54-P2 ngày 19/7/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát, kết luận: Xe mô tô BKS 29R7-7847 có số khung nguyên thủy là RLHHC...AY..., số máy nguyên thủy là HA08E tại các vị trí dấu ... còn một số ký tự nữa không xác định được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 08/12/2017, Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Chủ Văn C (Nguyễn Văn C) phạm tội trộm cắp tài sản. Bị cáo Nguyễn Như Đ phạm Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Áp dụng: Điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Chủ Văn C (Nguyễn Văn C) 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 02 tháng 13 ngày.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Như Đ 09 tháng tù về Tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 10/7/2017.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, bị cáo Nguyễn Như Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 21 tháng 3 năm 2018 bị cáo Đ có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã có thông báo về việc bị cáo Đ rút kháng cáo gửi Tòa án cấp sơ thẩm để làm thủ tục thi hành án.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị phúc thẩm, yêu cầu áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần", theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo C.

### ***Tại phiên toà phúc thẩm:***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên Quyết định kháng nghị và phân tích: Bị cáo Chủ Văn C đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 83.325.000 đồng. Do đó, bị cáo C đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về Tội trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, trong một khoảng thời gian ngắn bị cáo C có 03 lần trộm

cấp tài sản mà mỗi lần đều đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm chưa bị xử lý, nhưng khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã không áp dụng cho bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhiều lần", theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 là không đầy đủ, nên chỉ phạt bị cáo C mức án 03 năm 06 tháng tù là nhẹ, không tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 BLTTHS để sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 và tăng thêm hình phạt của bị cáo C lên từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo Nguyễn Như Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng trước khi mở phiên tòa bị cáo Đ đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo và Tòa án cấp phúc thẩm đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Đ theo quy định của pháp luật, nên không xem xét.

Bị cáo Chữ Văn C được triệu tập đến phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt vì bị bệnh lao phổi nặng, hoàn cảnh khó khăn không đi lại được. Bị cáo không kháng cáo, bị cáo biết Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng và tăng hình phạt đối với bị cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đối với Chữ Văn C (Nguyễn Văn C) trong thời hạn luật quy định là hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Như Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng trước ngày mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo Đ có đơn rút toàn bộ kháng cáo đã được Tòa án cấp phúc thẩm thông báo rút kháng cáo theo quy định của pháp luật nên tại phiên tòa Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chữ Văn C (Nguyễn Văn C) có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị cáo thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Y1 xét xử, không kháng cáo và xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về Tội trộm cắp tài sản là đúng. Nay bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng và tăng hình phạt, bị cáo đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích cho bị cáo vì hiện tại bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi 3 con còn nhỏ, bản thân đang bị bệnh lao phổi kháng thuốc, vợ bị cáo đang đi chấp hành hình

phạt 20 năm tù. Xét lời khai nhận tội của bị cáo C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm có trong hồ sơ vụ án là khách quan, hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Như Đ (trong lần trộm cắp tài sản vào đêm ngày 03/6/2017); đồng thời phù hợp với lời khai của các người bị hại là: Ông Nguyễn Văn M1, bà Hoa Thị M4; anh Trịnh Công P; chị Trịnh Thị Hải L3, anh Nguyễn Văn T3; chị Phạm Thị M3, anh Nguyễn Văn B1 và chị Phạm Thị Th1, anh Nguyễn Đình C2; phù hợp các biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường, một số vật chứng thu giữ được và kết luận định giá tài sản bị chiếm đoạt của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y1 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2017 đến ngày 23/6/2017, Chủ Văn C (Nguyễn Văn C) đã 03 lần lợi dụng đêm tối để lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của 04 gia đình người bị hại là: Vợ chồng ông bà M1; anh C1; vợ chồng anh chị L3, T3; vợ chồng anh chị M3, B1; vợ chồng anh chị Th1, C2. Tài sản chiếm đoạt của các người bị hại gồm: Xe mô tô, ti vi, quần áo... với tổng giá trị tài sản mà C đã chiếm đoạt được là 83.325.000 đồng. Bởi các hành vi nêu trên, bị cáo C đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử kết Tội trộm cắp tài sản, với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung hình phạt là “Tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Tự thú, khai báo thành khẩn, bị cáo bị bệnh lao phổi để áp dụng cho bị cáo Ch được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và phạt bị cáo C với mức án 03 năm 06 tháng tù là có căn cứ pháp luật.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ ngày 03/6/2016 đến ngày 26/6/2016, bị cáo C đã 03 lần dùng thủ đoạn lợi dụng đêm tối, cắt khóa, cạy cửa để lén lút chiếm đoạt tài sản của các người bị hại, từng lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 03/6/2017 chiếm đoạt của gia đình ông M1, bà M4 và anh C1 gồm: 01 két sắt bên trong có 4.500.000 đồng, 02 chỉ vàng 9999, giấy tờ và thiệt hại chiếc két; 01 xe máy Honda Dream BKS 89F-180.34; 01 ti vi Sony 48 inch; cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.340.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 16/6/2016 chiếm đoạt của gia đình chị L3, anh T3 gồm: 01 ti vi LG loại 32inch, 01 xe mô tô Honda Dream BKS 89M1-091.02 và chiếm đoạt của gia đình chị M3, anh B1 01 ti vi TCL loại 32 inch và đôi loa thùng hiệu BMB; cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.700.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 23/6/2017 chiếm đoạt của gia đình chị Th1, anh C2 gồm: 60 chiếc váy người lớn bằng chất liệu voan lụa, 29 chiếc quần nữ loại co giãn, 6 chiếc quần ngố nữ co giãn, 40 quần bò nữ loại quần ống dài loại Jean, 35 đôi dép nữ loại cao gót chất liệu giả da, 10 đôi giày nữ chất liệu giả da, 3 túi xách chất liệu giả da; cộng giá trị tài sản chiếm đoạt là 30.285.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần bị cáo C đã trộm cắp chiếm đoạt được tài sản của các người bị hại trị giá là 83.325.000 đồng, mà mỗi chiếm đoạt tài sản riêng biệt của bị cáo đều có đủ dấu hiệu cấu thành tội trộm cắp tài sản chưa bị xử lý, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ giá trị tài sản của bị cáo C chiếm đoạt đã được cộng lại và xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 mà không áp dụng buộc bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” là chưa đầy đủ, bỏ sót tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo C theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên kháng nghị phúc thẩm, yêu cầu áp dụng đối với bị cáo C tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 là có căn cứ được chấp nhận. Đối với phần hình phạt của bị cáo C, khi xét xử sơ thẩm Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để phạt bị cáo C mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc, nên mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo C bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, nhưng xét mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo như vậy là phù hợp, nên không cần thiết phải tăng thêm hình phạt đối với bị cáo C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên được chấp nhận một phần để sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng: Áp dụng thêm cho bị cáo C tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 và giữ nguyên mức hình phạt của bị cáo C là 03 năm 06 tháng tù, vừa đảm bảo tính nghiêm minh, vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[6] Bị cáo C không kháng cáo, bị kháng nghị và sửa bản án sơ thẩm, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Y1, tỉnh Hưng Yên như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Chữ Văn C (tên gọi khác là Nguyễn Văn C) phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 138; điểm o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Chữ Văn C (Nguyễn Văn C) 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 02 (hai) tháng 13 (mười ba) ngày (từ ngày 05/7/2017 đến ngày 15/9/2017); bị cáo C còn phải chấp hành hình phạt là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Án phí: Bị cáo Chữ Văn C (Nguyễn Văn C) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT1 TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Y1;
- VKSND huyện Y1;
- Công an huyện Y1;
- Bị cáo C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đình Hiền**